TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 10/2024/HC-PT Ngày 10 tháng 01 năm 2024 V/v Khiếu kiện quyết định hành chính.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Huynh

Các Thẩm phán: Ông Phan Tô Ngọc

Ông Nguyễn Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa**: Ông Đỗ Thành Đạt - Kiểm sát viên. (Vắng mặt khi tuyên án).

Ngày 10 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 33/2023/TLPT-HC ngày 16 tháng 01 năm 2023 về việc: "Khiếu kiện quyết định hành chính".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 1203/2022/HC-ST ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3355/2023/QĐ-PT ngày 25 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Công ty Cổ phần Đ1 (vắng mặt)

Địa chỉ: D14/391A T, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Nguyễn Tố L, chức danh: Giám đốc. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền:

- Bà Phạm Đoàn Thanh D, sinh năm 1986; (vắng mặt)

Địa chỉ: D14/391A T, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền số 48/2022/UQ-PL ngày 05/5/2022).

- Ông Trần Minh H (vắng mặt)

Địa chỉ: 6 Quốc lộ A, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoặc:

- Bà Nguyễn Thị T (có mặt)

Địa chỉ: A Chung cư C, C đường số A, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền số 64/2022/GUQ ngày 05/7/2022)

- Người bị kiện: Cục thuế Thành phố H (vắng mặt)

Địa chỉ: F V, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Duy M – Cục trưởng Cục thuế Thành phố H (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

1. Ông Nguyễn Cao M1 - Kiểm tra viên thuế Cục thuế Thành phố H; (có mặt)

2. Bà Phạm Thị Tuyết N - Kiểm tra viên thuế Cục thuế Thành phố H; (có mặt)

3. Ông Lê Hữu C - Kiểm tra viên thuế Cục thuế Thành phố H. (có đơn xin vắng mặt)

- **Người kháng cáo**: Người khởi kiện - Công ty Cổ phần Đ1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện - Công ty Cổ phần Đ1 và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty Đ2 - thuộc Tổng Công ty X (Công ty Cổ phần Đ3, Công ty Cổ phần P), mã số thuế 0301446454 được sáp nhập vào Công ty Cổ phần Đ1 năm 2017, có mã số thuế 3900321234 nay gọi tắt là Công ty Đ1 là chủ đầu tư dự án Khu nhà ở 2,95310 ha (khu 3,2ha cũ), Phường B, Quận B (nay là Thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 05/04/2004, Công ty Đ1 lập tờ khai nộp tiền sử dụng đất. Ngày 05/05/2004, được Chi cục T1 xác định diện tích tính tiền sử dụng đất phải nộp: 14.051,39m^2 x giá đất 700.000 đồng/m^2 = 9.835.973.000 đồng và Lệ phí trước bạ phải nộp là 34.857.900 đồng theo tờ khai lệ phí trước bạ số 61/GD của Chi cục T1 ngày 05/05/2004.

Ngày 23/3/2006, Chi cục T1 có Văn bản số 157/CCT-NV thông báo: Công ty Đ1 được khấu trừ tiền đền bù thiệt hại về đất, với số tiền là: 3.182.803.750 đồng. Số tiền sử dụng đất Công ty Đ1 còn phải nộp sau khi đã khấu trừ tiền đền bù thiệt hại về đất là: 9.835.973.000 đồng – 3.182.803.750 đồng = 6.653.169.250 đồng. Công ty Đ1 đã đóng số tiền sử dụng đất này và đã được Chi cục T1 có Giấy xác nhận số 05/CCT-TBA ngày 16/01/2008.

Ngày 09/4/2008, Chi cục T1 có Công văn số: 645/CCT-TrB xác nhận tiền sử dụng đất Công ty Đ1 đã nộp là: 6.853.169.250 đồng "thừa 200.000.000 đồng. Chi cục T1 sẽ kết chuyển 200.000.000 đồng nộp thừa trên sang dự án tại phường T ...".

Ngày 20/3/2012, Chi cục T1 có Thông báo nộp tiền sử dụng đất bổ sung số tiền là 88.347.000 đồng đối với diện tích đất ở tăng thêm 126,21m^2; Công ty đã nộp tiền là 88.347.000 đồng vào ngân sách Nhà nước, không thu Lệ phí trước bạ (theo Giấy xác nhận số: 05/CCT-TrB ngày 27/3/2012).

Ngày 23/01/2014, Công ty nộp 1.253.833.000 đồng tiền sử dụng đất cho diện tích đất siêu thị 1.791,19m^2 vào ngân sách Nhà nước theo giấy nộp tiền số 0005466; và tiền lệ phí trước bạ là 6.269.200 đồng (theo Thông báo số 430/TB/2014 ngày 23/01/2014).

Ngày 29/4/2021, Cục Thuế Thành phố H (Cục T) ban hành Thông báo nộp tiền sử dụng đất bổ sung số 8000/TB-CTTTPHCM theo Phụ lục VI đính kèm Báo cáo số 332/BC-TTCP ngày 09/12/2020 của Thanh tra Chính phủ cho Công ty TNHH Đ2 - Tổng công ty X (Công ty cổ phần Đ3), mã số thuế: 0301446454 đối với khu đất diện tích 30.780m^2 tại phường B, Quận B (nay là thành phố T) số tiền sử dụng đất 29.508.000.000 đồng. Lý do nộp tiền sử dụng đất bổ sung: tính, thu tiền sử dụng đất không đúng quy định.

Ngày 29/7/2022, Cục T ban hành Công văn số 8993/CTTPHCM-QLD điều chỉnh lại Thông báo nộp tiền sử dụng đất bổ sung số 8000/TB-CTTTPHCM từ tên Công ty TNHH Đ2 - Tổng công ty X (Công ty cổ phần Đ3), mã số thuế: 0301446454 thành tên người sử dụng đất: Công ty Cổ phần Đ1, mã số thuế: 3900321234.

Cục Thuế ra Thông báo số 8000/TB-CTTPHCM ngày 29/4/2021 với lý do tính, thu tiền sử dụng đất không đúng quy định là trái pháp luật về quản lý thuế quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 16 của Luật Quản lý Thuế 2019; và theo điểm b khoản 2 Điều 22 của Luật Quản lý thuế 2019 có quy định: "Trường hợp Thanh tra Nhà nước không trực tiếp thanh tra đối với người nộp thuế mà thực hiện thanh tra tại cơ quan quản lý thuế có nội dung kiến nghị nêu trong kết luận thanh tra liên quan đến nghĩa vụ của người nộp thuế thì Thanh tra Nhà nước gửi

bản trích sao có kết luận liên quan đến nghĩa vụ thuế cho người nộp thuế để thực hiện" nhưng Công ty Đ1 không nhận được kết luận này.

Cục Thuế căn cứ theo Công văn số 723/TC/TCT ngày 19/01/2005 của Bộ T2 để tính lại nghĩa vụ tiền sử dụng đất của Công ty Đ1 là không có cơ sở vì đây không phải là văn bản quy phạm pháp luật.

Trong trường hợp áp dụng Công văn số 723/TC/TCT ngày 19/01/2005 của Bộ T2 thì Công ty Đ1 cũng không thuộc trường hợp phải tính lại tiền sử dụng đất vì tính đến ngày 31/12/2005, Công ty Đ1 đã khai đầy đủ hồ sơ tính tiền sử dụng đất, đã được cơ quan thuế có thẩm quyền là Chi cục T1 ra văn bản xác nhận số tiền sử dụng đất phải nộp ngày 05/5/2004 nhưng Công ty Đ1 chưa thực hiện vì Chi cục T1 chưa xác định xong số tiền đền bù thiệt hại được khấu trừ cho Công ty Đ1.

Ngoài ra, nếu thuộc trường hợp phải truy thu thuế thì theo quy định tại khoản 6 Điều 8 của Nghị định 125/2020/NĐ-CP thì đã quá thời hiệu truy thu thuế.

Tại thời điểm này, nếu thu thêm thuế thì Công ty Đ1 không biết hạch toán như thế nào vì giá kinh doanh tại thời điểm dự án triển khai được căn cứ vào các chi phí như: chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, chi phí đầu tư cơ sở hạ tầng, tiền sử dụng đất, tiền đền bù đất công, chi phí quản lý, duy trì dự án.

Vì các lý do nêu trên, Công ty Đ1 yêu cầu hủy Thông báo nộp tiền về tiền sử dụng đất số 8000/TB-CTTPHCM ngày 29/04/2021 của Cục Thuế Thành phố H.

Người bị kiện - Cục thuế Thành phố H trình bày:

Ngày 29/4/2021, Cục T ban hành Thông báo nộp tiền sử dụng đất bổ sung số 8000/TB-CTTTPHCM theo Phụ lục VI đính kèm Báo cáo số 332/BC-TTCP ngày 09/12/2020 của Thanh tra Chính Phủ về kết quả kiểm tra, rà soát việc chấp hành quy định của pháp luật trong quản lý quy hoạch, giao đất, thực hiện đầu tư các dự án thuộc khu tái định cư K cho Công ty TNHH Đ2 - Tổng công ty X (Công ty cổ phần Đ3), mã số thuế: 0301446454 đối với khu đất diện tích 30.780m^2 tại phường B, Quận B (nay là thành phố T) số tiền sử dụng đất 29.508.000.000 đồng, lý do nộp tiền sử dụng đất bổ sung: tính, thu tiền sử dụng đất không đúng quy định.

Qua rà soát hồ sơ và theo giải trình của Công ty Đ1 thì Công ty TNHH Đ2 đã sáp nhập vào Công ty Cổ phần Đ1 ngày 06/10/2017 và có mã số doanh nghiệp C1 nên ngày 29/7/2022 Cục T ban hành Công văn số 8993/CTTPHCM-QLD điều chỉnh lại Thông báo nộp tiền sử dụng đất bổ sung số 8000/TB-

CTTTPHCM từ tên Công ty TNHH Đ2 - Tổng công ty X (Công ty cổ phần Đ3), mã số thuế: 0301446454 thành tên người sử dụng đất: Công ty Cổ phần Đ1, mã số thuế: 3900321234. Văn bản này là một bộ phận không thể tách rời của Thông báo nộp tiền sử dụng đất bổ sung số 8000/TB-CTTTPHCM ngày 29/4/2021.

Khi ban hành thông báo thuế, Cục T đã có buổi làm việc với Công ty Đ1 vào ngày 14/4/2022, hai bên đã trao đổi, thảo luận về cách tính ra số tiền thuế truy thu như sau: Công ty Đ2 kê khai nộp tiền sử dụng đất ngày 05/4/2004, trước thời điểm Luật Đất đai năm 2003 có hiệu lực (ngày 01/7/2004). Do đó, Công ty phải hoàn thành nghĩa vụ tài chính đến hết ngày 31/12/2005. Tuy nhiên, theo tổng hợp việc nộp tiền sử dụng đất của Chi cục T1 nhận thấy đến thời điểm ngày 31/12/2005, Công ty Đ2 mới nộp tiền sử dụng đất số tiền là 200.000.000 đồng; số tiền còn lại 6.653.169.250 đồng, Công ty Đ2 nộp sau thời điểm 31/12/2005 nên theo hướng dẫn khoản 2 của Văn bản số 723/TC/TCT ngày 19/01/2005 của Bộ T2 "Kể từ ngày 01/01/2006 trở đi, nếu các trường hợp này vẫn chưa nộp các khoản thu liên quan đến nhà, đất theo quy định thì phải tính lại số tiền thuế sử dụng đất phải nộp theo giá nhà, giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố quy định tại thời điểm nộp tiền vào ngân sách Nhà nước".

Theo Bảng giá đất ở đô thị Quận B năm 2006 ban hành kèm theo Quyết định số 227/2005/QĐ-UBND ngày 27/1/2/2005 của Ủy ban nhân dân Thành phố H thì vị trí mặt đường L (Phà T đến Nguyễn Thị Đ) có giá đất là 2.800.000 đồng/m^2. Do đó, số tiền sử dụng đất phải nộp là: 2.800.000 đồng/m^2 x 14.051,39m^2 = 39.343.891.000 đồng, trừ tiền đền bù thiệt hại về đất và số tiền đã đóng thì nay phải truy thu 29.507.918.000 đồng.

Căn cứ các quy định pháp luật nêu trên, việc Cục T ban hành Thông báo số 8000/TB-CTTPHCM ngày 29/4/2021 theo nhiệm vụ, trách nhiệm của cơ quan thuế là hoàn toàn phù hợp và đúng theo quy định pháp luật. Cục Thuế đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố xem xét bác yêu cầu khởi kiện của Công ty Đ1.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 1203/2022/HC-ST ngày 01 tháng 8 năm 2022, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Áp dụng Khoản 4 Điều 32, Khoản 2 Điều 96, Khoản 1 Điều 158, Điều 116, điểm a Khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 206 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Áp dụng Luật quản lý thuế năm 2019;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Đ1 *yêu cầu hủy Thông báo số 8000/TB - CTTPHCM "Thông báo nộp tiền về tiền sử dụng đất" ngày 29/04/2021 của* Cục Thuế Thành phố H *và được điều chỉnh theo Công văn số 8993/CTTPHCM-QLĐ ngày 29/7/2022 về việc điều chỉnh Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 8000/TB – CTTPHCM ngày 29/4/2021 của* Cục Thuế Thành phố H

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/8/2022, người khởi kiện là Công ty Cổ phần Đ1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện. Trường hợp không sửa án thì yêu cầu hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của Người khởi kiện - bà Nguyễn Thị T trình bày: Việc cơ quan thuế xác định giá tính thuế hiện nay chưa có cơ sở phù hợp; Bản án sơ thẩm tuyên xử công nhận việc áp dụng công văn của Cục thuế Thành phố H là không phù hợp khi áp dụng một văn bản không phải là văn bản quy phạm pháp luật để giải quyết vụ án. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng hủy thông báo nộp thuế của Cục thuế Thành phố H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Người bị kiện - ông Nguyễn Cao M1 trình bày: Tất cả mọi nội dung đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, bản án sơ thẩm đã làm rõ và công nhận những nội dung cần giải quyết. Trường hợp Công ty nộp tiền sử dụng đất còn sót trong dự án năm 2012 và 2014 giá 700.000d/m^2 là đúng quy định. Phía Công ty Cổ phần Đ1 đã không có sự phối hợp tích cực với cơ quan thuế. Cơ quan thuế đã tuân thủ pháp luật, bảo đảm các nội dung cần thực hiện theo kết luận của Thanh tra. Biết rằng doanh nghiệp chuyển đổi, sáp nhập và khó khăn, nhưng theo quy định thì vẫn phải truy thu. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết theo quy định.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:

Về thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là có căn cứ. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty Cổ phần Đ1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo, nghĩa vụ đóng tạm ứng án phí, đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[1.2] Về thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ án và thời hiệu khởi kiện: Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Đ1 còn trong thời hiệu khởi kiện quy định tại khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[1.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, một số đương sự vắng mặt nhưng những người này đa có văn bản xin xét xử vắng mặt hoặc đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt những đương sự này.

[1.4] Theo đơn khởi kiện, người khởi kiện yêu cầu hủy Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 8000/TB – CTTPHCM ngày 29/4/2021 của Cục Thuế Thành phố H. Quá trình Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án, ngày 29/7/2022, người bị kiện ban hành Công văn số 8993/CTTPHCM-QLĐ điều chỉnh thông tin người sử dụng đất tại Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 8000/TB – CTTPHCM ngày 29/4/2021 của Cục Thuế Thành phố H từ "Công ty TNHH Đ2 - Tổng Công ty X (Công ty Cổ phần Đ3), mã số thuế: 0301446454, địa chỉ: Số D T, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh" thành "Công ty Cổ phần Đ1, mã số thuế: 3900321234, địa chỉ: số A đường số B, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh". Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 01/8/2022, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã công bố Công văn số 8993/CTTPHCM-QLĐ nêu trên và tạm ngừng phiên tòa để đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện tiếp cận tài liệu này. Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện cũng xác định đã nhận được văn bản này (bút lục 236-238). Như vậy, có cơ sở xác định người khởi kiện đã được tiếp cận Công văn số 8993/CTTPHCM-QLĐ ngày 29/7/2022 của Cục Thuế Thành phố H.

Công văn số 8993/CTTPHCM-QLĐ có nội dung điều chỉnh thông tin chủ thể tại Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 8000/TB – CTTPHCM ngày

29/4/2021 của Cục Thuế Thành phố H, nên đây là quyết định có liên quan đến quyết định bị kiện. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã giải thích cho đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện biết nếu vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện thì Tòa án vẫn sẽ xem xét Công văn số 8993/CTTPHCM-QLĐ vì đây là văn bản liên quan. Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện xác định Công văn số 8993/CTTPHCM-QLĐ đã điều chỉnh về thông tin chủ thể phải nộp bổ sung thuế là công ty Đ1 nên Công ty phát sinh trách nhiệm và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện (bút lục 237). Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xem xét giải quyết luôn đối với Công văn số 8993/CTTPHCM-QLĐ ngày 29/7/2022 là đúng quy định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét kháng cáo của Công ty Cổ phần Đ1:

Ngày 17/10/2000, Thủ tướng Chính Phủ ban hành Quyết định số 1006/QĐ-TTg về việc giao đất cho Công ty Đ2 - Bộ X1 để đầu tư xây dựng khu nhà ở B tại phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 05/4/2004, Công ty Đ2 - Bộ X1 lập tờ khai nộp tiền sử dụng đất. Ngày 05/5/2004, Chi cục T1 xác định tiền sử dụng đất phải nộp: 14.051,39m^2 x 700.000 đồng/m^2 = 9.835.973.000 đồng, lệ phí trước bạ phải nộp là 34.857.900 đồng.

Sau khi nhận được thông báo phải nộp số tiền 9.835.973.000 đồng thì Công ty Đ2 - Bộ X1 đã khiếu nại vì chưa được khấu trừ tiền đền bù thiệt hại về đất vào tiền sử dụng đất.

Sau đó Công ty Đ2 - Bộ X1 đổi tên thành Công ty Cổ phần P.

Ngày 23/3/2006, Chi cục T1 có Văn bản số 157/CCT-NV về việc khấu trừ tiền đền bù thiệt hại về đất vào tiền sử dụng đất của Công ty Cổ phần P số tiền là 3.182.803.750 đồng. Số tiền sử dụng đất Công ty Cổ phần P còn phải nộp sau khi đã khấu trừ tiền đền bù thiệt hại về đất là 6.653.169.250 đồng tương ứng với diện tích đất ở là 14.051,39m^2.

Sau khi Công ty Cổ phần P đã đóng đủ số tiền sử dụng đất thì Chi cục T1 có Giấy xác nhận số 05/CCT-TBA ngày 16/01/2008.

Ngày 09/4/2008, Chi cục T1 có Công văn số 645/CCT-TrB xác nhận tiền sử dụng đất Công ty Cổ phần P đã nộp là 6.853.169.250 đồng, thừa 200.000.000 đồng. Chi cục T1 sẽ kết chuyển 200.000.000 đồng nộp thừa trên sang dự án tại phường T ...".

Ngày 16/01/2008 Chi cục T1 có Công văn số 05/CCT-TBA gửi Sở Tài nguyên Môi trường Thành phố H xác nhận Công ty Cổ phần P đã nộp tiền sử

dụng đất là 6.853.169.250 đồng để Công ty Cổ phần P xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 20/3/2012, Chi cục T1 có Thông báo nộp tiền sử dụng đất bổ sung số tiền là 88.347.000 đồng đối với diện tích đất ở tăng thêm 126,21m^2 với giá 700.000đ/m^2, Công ty đã nộp xong số tiền 88.347.000 đồng vào ngân sách Nhà nước, (theo Giấy xác nhận số 05/CCT-TrB ngày 27/3/2012).

Ngày 23/01/2014, Công ty nộp 1.253.833.000 đồng tiền sử dụng đất cho diện tích đất siêu thị 1.791,19m^2 (với giá 700.000đ/m^2) vào ngân sách Nhà nước theo giấy nộp tiền số 0005466 và tiền lệ phí trước bạ 6.269.200 đồng theo Thông báo số 430/TB/2014 ngày 23/01/2014.

Qua nhiều lần thay đổi tên, đến ngày 24/7/2017, Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho công ty này thành tên Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ2.

Do Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ2 với Công Ty Trách nhiệm hữu hạn Đ1 nên được Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh T giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 06/10/2017.

Như vậy, đến năm 2007, Công ty Cổ phần P (Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ2) đã nộp thuế sử dụng đất xong vào năm 2007 và được Chi cục Thuế quận T1 xác nhận bằng văn bản là đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính, không nợ đọng. Tiếp đó vào năm 2012 và 2014 Công ty có phát sinh phải nộp thêm 2 khoản tiền sử dụng đất đối với một phần diện tích đất trong cùng dự án này do trước đây còn sót chưa nộp thì Chi cục Thuế quận T1 cũng chỉ thu theo giá đất 700.000đ/m^2, mà không tính theo giá mới và 02 khoản thu này không thuộc trường hợp phải truy nộp. Do đó, Cục T cho rằng Công ty Đ1 phải nộp thêm tiền sử dụng đất theo giá 2.800.000đ/m^2 là không phù hợp.

Mặt khác, Công Ty Đ1 cho rằng Cục Thuế ra Thông báo số 8000/TB-CTTPHCM ngày 29/4/2021 với lý do tính, thu tiền sử dụng đất không đúng quy định là trái pháp luật về quản lý thuế quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 16 của Luật Quản lý Thuế 2019; và theo điểm b khoản 2 Điều 22 của Luật Quản lý thuế 2019 có quy định: *"b) Trường hợp Thanh tra nhà nước không trực tiếp thanh tra đối với người nộp thuế mà thực hiện thanh tra tại cơ quan quản lý thuế có nội dung kiến nghị nêu trong kết luận thanh tra liên quan đến nghĩa vụ thuế của người nộp thuế thì Thanh tra nhà nước gửi bản trích sao có kết luận liên quan đến nghĩa vụ thuế cho người nộp thuế để thực hiện. Cơ quan quản lý thuế có trách nhiệm tổ chức thực hiện kết luận của Thanh tra nhà nước.* ***Trường hợp người nộp thuế không đồng ý với nghĩa vụ thuế phải nộp thì người nộp thuế có văn bản đề nghị cơ quan quản lý thuế, Thanh tra nhà nước xem xét lại***

***nghĩa vụ thuế phải nộp**. Căn cứ đề nghị của người nộp thuế, Thanh tra nhà nước chủ trì, phối hợp với cơ quan quản lý thuế thực hiện việc xác định chính xác nghĩa vụ thuế của người nộp thuế và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.*" nhưng Công ty Đ1 không nhận được bản kết luận này. Hơn nữa, Công ty sáp nhập là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ2 vào công ty Đ1 năm 2015, khi đó Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ2 được xác định là không còn nợ đọng tiền thuế, có xác nhận của cơ quan quản lý thuế đó là Chi cục Thuế quận T1. Từ nội dung xác nhận của Chi cục Thuế quận T1, nên bên sáp nhập và bên nhận sáp nhập đã xác định quyền, nghĩa vụ về tài chính trong giao dịch sáp nhập với tình trạng Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ2 không nợ còn đọng thuế. Nếu bây giờ mà phát sinh khoản truy nộp thuế này thì rất thiệt hại cho công ty Đ1, khi đó trách nhiệm của Chi cục Thuế quận T1 là như thế nào. Ngoài ra, nghĩa vụ nộp thuế quyền sử dụng đất là của công ty cũ trước đây, Công ty này đã hạch toán kế toán các khoản lợi nhuận và chi các khoản này…, nên nếu phải nộp khoản tiền thuế này cho Nhà nước thì thiệt hại cho công ty Đ1 là rất lớn. Hội đồng xét xử xét thấy, trước khi làm thủ tục sáp nhập, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ2 được Chi cục Thuế quận T1 xác nhận bằng văn bản là đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính, không nợ đọng và từ cơ sở này hai bên mới thực hiện ký kết hợp đồng sáp nhập Công ty. Hơn nữa, sau khi Thanh tra thuế tại cơ quan quản lý thuế thì Thanh tra Nhà nước lại không gửi bản trích sao kết luận liên quan đến nghĩa vụ thuế cho Công ty Đ1 là không đúng quy định của pháp luật, việc này đã tước đi quyền kiến nghị của Công ty Đ1 đối với kết luận thanh tra. Do đó, lời trình bày của Công ty Đ1 là có căn cứ.

Mặt khác, Thông báo nộp tiền về tiền sử dụng đất số 8000/TB-CTTPHCM ngày 29/4/2021 của Cục Thuế Thành phố H có nội dung không đúng quy định như: Thông báo không thể hiện vị trí, Bảng giá đất, mục đích sử dụng đất phải nộp tiền sử dụng đất. Diện tích đất phải nộp tiền bổ sung theo trình bày của Cục thuế Thành phố H tại Tòa án là 14.051,39m^2, nhưng trong Thông báo này lại ghi diện tích đất bằng 30.780m^2 là mâu thuẫn.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của Công Ty Trách nhiệm hữu hạn Đ1 là có căn cứ. Do đó Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công Ty Trách nhiệm hữu hạn Đ1, hủy Thông báo nộp tiền về tiền sử dụng đất số 8000/TB-CTTPHCM ngày 29/04/2021 và Công văn số 8993/CTTPHCM-QLĐ ngày 29/7/2022 về việc điều chỉnh Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 8000/TB – CTTPHCM ngày 29/4/2021 của Cục Thuế Thành phố H.

[3] Án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên người kháng cáo là Công ty Cổ phần Đ1 không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tố tụng hành chính;

Căn cứ Luật quản lý thuế năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng cáo của Công ty Cổ phần Đ1. Sửa bản án hành chính sơ thẩm số 1203/2022/HC-ST ngày 01 tháng 8 năm 2022, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Đ1. Hủy Thông báo số 8000/TB - CTTPHCM "Thông báo nộp tiền về tiền sử dụng đất" ngày 29/04/2021 của Cục Thuế Thành phố H và Công văn số 8993/CTTPHCM-QLĐ ngày 29/7/2022 về việc điều chỉnh Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 8000/TB – CTTPHCM ngày 29/4/2021 của Cục Thuế Thành phố H.

3. Về án phí:

3.1. Án phí hành chính sơ thẩm: Cục Thuế Thành phố H nộp 300.000đ.

Trả lại Công ty Cổ phần Đ1 Số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0001390 ngày 20/12/2021 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh nên đã nộp xong án phí.

3.2 Án phí hành chính phúc thẩm: Công ty Cổ phần Đ1 không phải chịu. Trả lại cho Công ty Cổ phần Đ1 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003034 ngày 23/9/2022 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP. HCM (1);
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- Cục THADS Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu HSVA (1), VP (5), 13b (LMA);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Ngọc Huynh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Tô Ngọc **Nguyễn Văn Minh** **Vũ Ngọc Huynh**